

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH.....	4
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	5
1. Tên chủ cơ sở.....	5
2. Tên cơ sở.....	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	6
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	9
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên, vật liệu của cơ sở.....	9
4.2. Nhu cầu sử dụng điện.....	10
4.3. Nhu cầu sử dụng nước.....	10
5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở	11
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	16
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	16
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	17
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	19
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	19
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	19
1.2. Thu gom, thoát nước thải	19
1.3. Xử lý nước thải	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	22
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	25
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	26
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	26
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	27
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG....	29
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	29
1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....	29

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải	29
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	31
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	31
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	32
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí	32
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	32
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	34
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	34
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	34
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	35
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	36
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	37
PHỤ LỤC BÁO CÁO	38

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	BYT	Bộ Y tế
4	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
5	CP	Chính phủ
6	CTNH	Chất thải nguy hại
7	CTR	Chất thải rắn
8	NĐ	Nghị định
9	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
10	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
11	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
12	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ công nghệ sản xuất bê tông ly tâm của Cơ sở.....	6
Hình 1.2. Sơ đồ vận hành xưởng sửa chữa và gia công cơ khí.....	7
Hình 1.3. Sơ đồ vận hành trạm trộn bê tông xi măng.....	8
Hình 1.4. Quy trình xử lý nước thải sản xuất của Xưởng.....	21
Hình 1.5. Quy trình xử lý nước thải ăn xuất của Xưởng.....	21
Hình 1.6. Quy trình xử lý nước thải sản xuất của trạm trộn bê tông xi măng.....	22
Hình 1.7. Hệ thống lọc bụi.....	24
Hình 1.8. Túi lọc bụi tay áo.....	24
Bảng 1.1. Tọa độ địa lý vị trí khu vực Cơ sở.....	5
Bảng 1.2. Quy mô công suất loại hình của Cơ sở.....	6
Bảng 1.3. Tổng nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu của Cơ sở.....	9
Bảng 1.4. Quy mô các hạng mục công trình của Xưởng sản xuất bê tông ly tâm ..	11
Bảng 1.5. Tổng hợp phụ tùng sử dụng trung bình/tháng.....	12
Bảng 4.1. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sinh hoạt.....	30
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sản xuất.....	30
Bảng 4.3. Mức độ giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung.....	31
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc khí thải của Cơ sở.....	32
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải của Cơ sở.....	32

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV Xây dựng 384.
- Địa chỉ: số 495 Quốc lộ 9, phường 3, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Thượng tá) Phạm Đình Đề - Chức vụ: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200042203 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 11/01/2011 và thay đổi lần thứ 4 ngày 19/5/2021.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Xưởng sản xuất cấu kiện bê tông và sửa chữa, gia công cơ khí (Gọi tắt là Cơ sở)
- Địa điểm: số 555 Quốc lộ 9, phường 4, thành phố Đông Hà với tổng diện tích 16.558 m². Ranh giới khu vực Cơ sở được giới hạn bởi các tọa độ như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ địa lý vị trí khu vực Cơ sở

Ký hiệu	Hệ tọa độ VN 2000, KTT 106°15' múi chiều 3 ⁰	
	X(m)	Y(m)
I	Xưởng sản xuất bê tông ly tâm	
1	1.859.712	586.968
2	1.859.680	586.969
3	1.859.682	586.956
4	1.859.625	586.955
5	1.859.627	586.868
6	1.859.712	586.867
II	Xưởng sửa chữa và gia công cơ khí	
1	1.859.892	586.923
2	1.859.862	586.924
3	1.859.871	586.882
4	1.859.900	586.883
III	Trạm trộn bê tông xi măng công suất 60m³/h	
1	1.859.681	587.096
2	1.859.693	586.978
3	1.859.625	586.968
4	1.859.620	587.091

(Sơ đồ vị trí Cơ sở được đính kèm tại phụ lục của báo cáo)

- Giấy xác nhận số 276/GXN-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố Đông Hà về việc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Cơ sở “Xưởng sản xuất cấu kiện bê tông và sửa chữa, gia công cơ khí”.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương dự án nhóm III quy định tại mục số 2, phụ lục V ban hành kèm Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

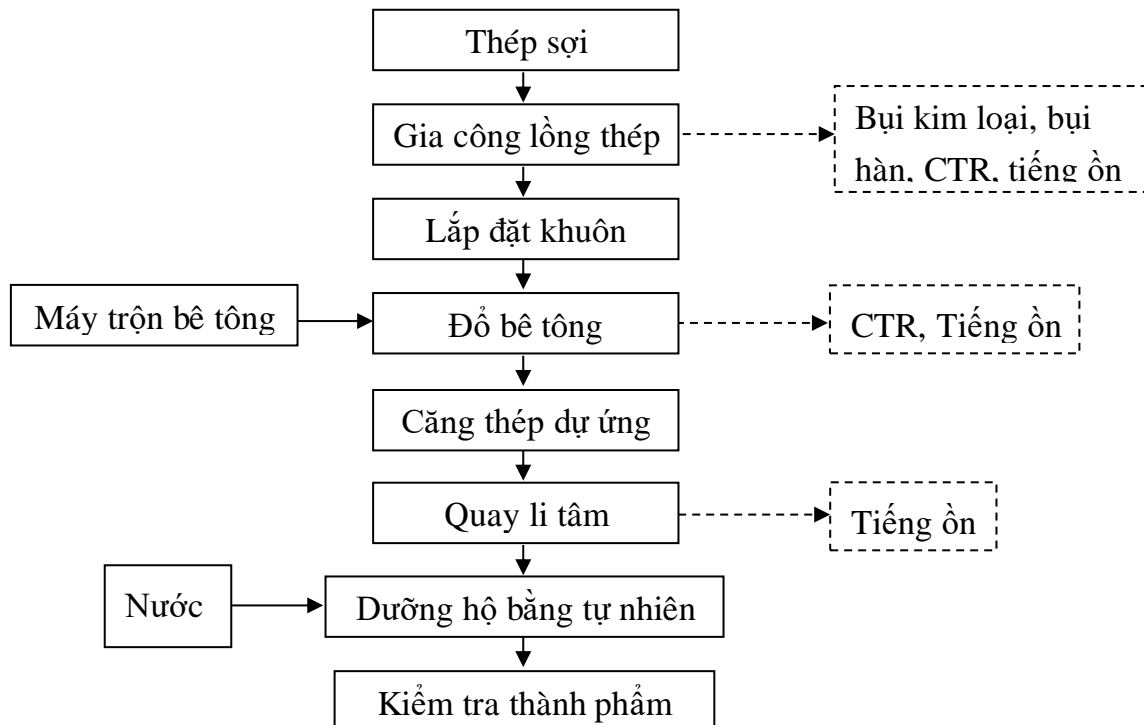
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Bảng 1.2. Quy mô công suất của Cơ sở

TT	Hạng mục cơ sở	Loại hình	Công suất
1	Xưởng sản xuất bê tông ly tâm	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn các loại	10.902 tấn sản phẩm/năm
2	Xưởng sửa chữa và gia công cơ khí	Sửa chữa ô tô, xe máy chuyên dùng	85 chiếc/năm
3	Trạm trộn bê tông xi măng công suất 60m ³ /h	Sản xuất bê tông xi măng	504 tấn sản phẩm/ngày

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

a. Công nghệ/vận hành sản xuất của Xưởng sản xuất bê tông ly tâm:



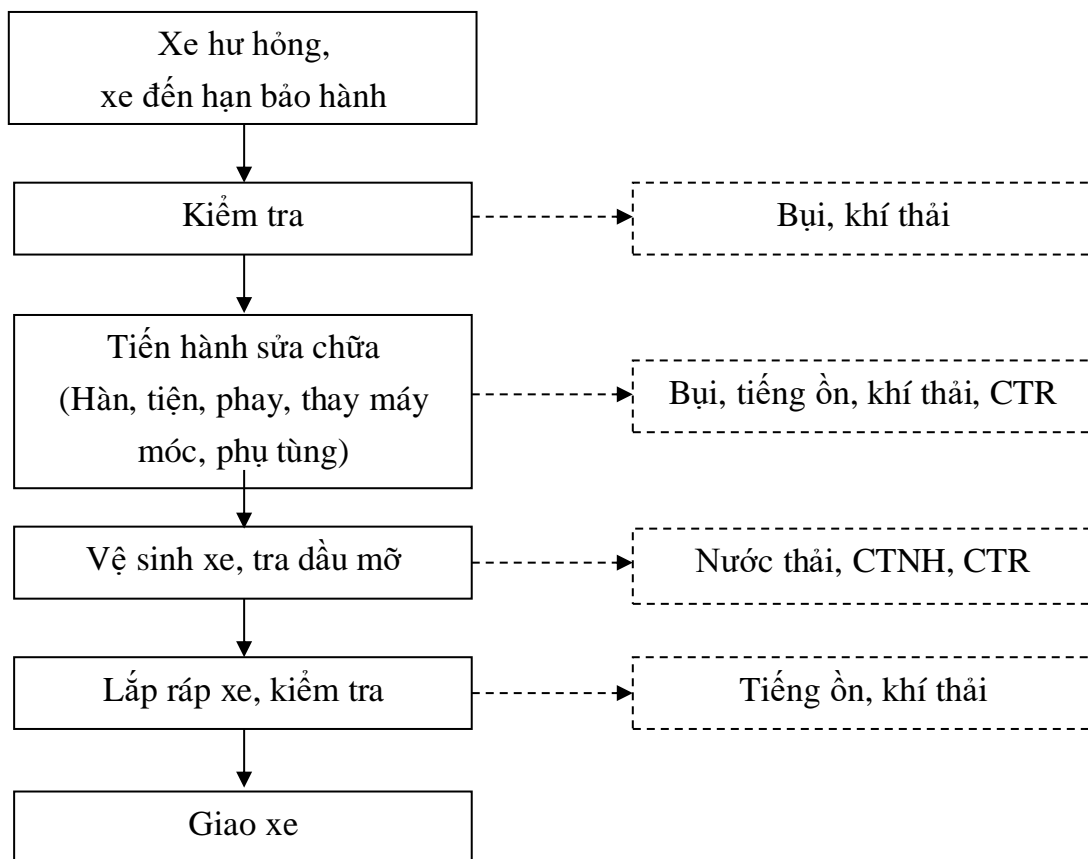
Hình 1.1. Quy trình công nghệ sản xuất bê tông ly tâm của Cơ sở
Thuyết minh quy trình:

Gia công thép: Thép thanh dự ứng lực sẽ được cấp từ dàn quay xả thép tới máy cắt thanh nhờ lực kéo của máy cắt. Tại đây thép được cắt thành các thanh có kích thước thiết kế, sau đó chuyển qua công đoạn đan lồng thép bằng máy hàn. Tiếp đến, cấp liệu bê tông từ trạm trộn bê tông vào khuôn bằng băng tải, dùng máy căng lực để tạo ứng trước cho các sợi thép trước khi qua công đoạn quay ly tâm (đảm bê tông bằng phương pháp quay ly tâm để tạo liên kết bê tông với kết cấu thép).

Sau đó, dưỡng hộ các cầu kiện bằng phương pháp dưỡng hộ tự nhiên bằng nước lạnh. Công quay hoặc rung phải để dưỡng hộ ít nhất 01 ngày mới tiến hành tháo dỡ khuôn. Khi tháo dỡ khuôn phải bảo dưỡng tiếp 7 ngày (mỗi ngày 8-10 lần). Cuối cùng, tháo ván khuôn và vận chuyển sản phẩm qua bãi tập kết bằng xe cầu tự hành.

Các bước gia công sản xuất cọc bê tông, khối bê tông chấn sóng và các phụ kiện bê tông có quy trình sản xuất tương tự chủ khác so với sản xuất công bê tông là không có công đoạn căng thép dự ứng lực và quay ly tâm.

b. Công nghệ/vận hành sản xuất của Xưởng sửa chữa và gia công cơ khí:



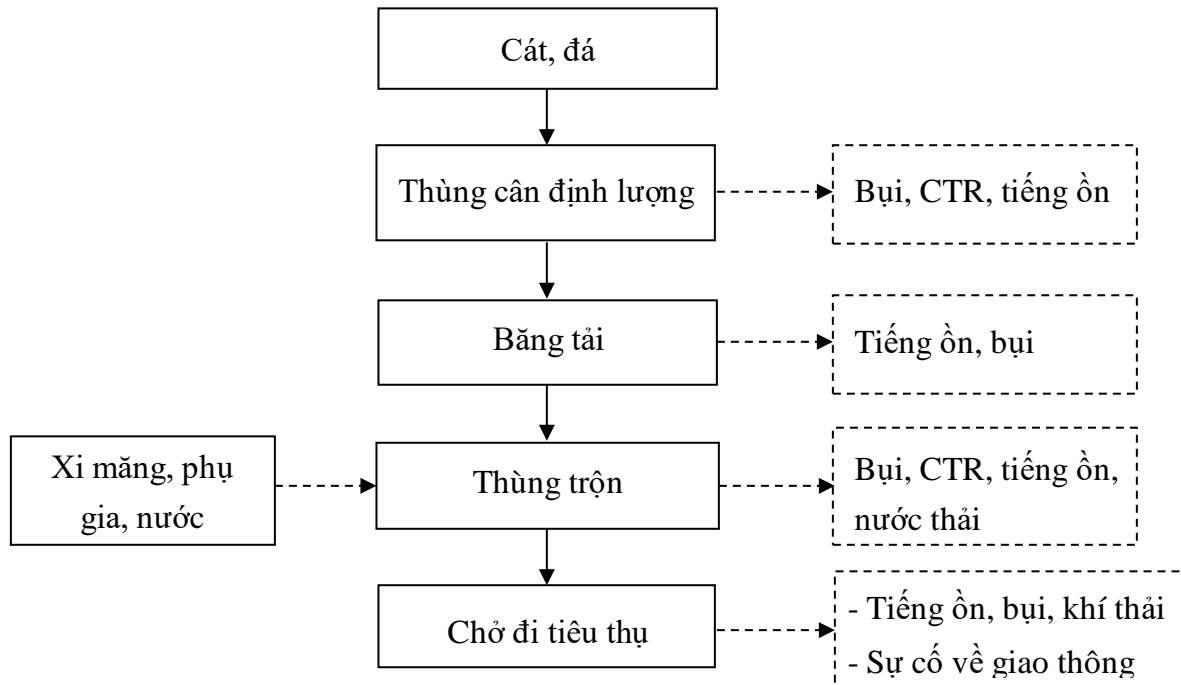
Hình 1.2. Quy trình vận hành xưởng sửa chữa và gia công cơ khí

Thuyết minh quy trình:

Xe hư hỏng đưa vào xưởng sẽ được kiểm tra trước khi sửa chữa để xác định bộ phận và mức độ hư hỏng. Sau khi tiến hành kiểm tra, tùy thuộc vào mức độ mà xưởng

sẽ tiến hành sửa chữa, thay máy móc, phụ tùng, dầu nhớt, bôi trơn... Các chi tiết máy sẽ được rửa, vệ sinh trước khi vô dầu mỡ, sau đó sẽ lắp ráp kiểm tra tính năng hoạt động ổn định và bàn giao cho đơn vị thi công của Cơ sở.

c. Công nghệ/vận hành sản xuất của Xưởng sửa chữa và gia công cơ khí:



Hình 1.3. Quy trình vận hành trạm trộn bê tông xi măng

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu cát, đá được máy phối liệu định lượng cấp vào trong gầu tải (cát, đá được rửa sạch tại vị trí thu mua nguyên liệu bằng thiết bị chuyên dụng trước khi vận chuyển về Nhà máy nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm). Tiếp theo gầu tải sẽ được kéo lên đổ vào thùng trộn, xi măng chứa trong silô được cân định lượng xả vào thùng trộn chung với cát, đá. Đồng thời, những silô chứa nước, chất phụ gia cũng tự động bơm vào thành phần cốt liệu và trộn.

Tại thùng trộn các nguyên liệu (cát, đá, xi măng, nước, chất phụ gia) được trộn đều với nhau theo tỷ lệ đã được định lượng sẵn. Thùng trộn được thiết kế trộn kín nên không làm phát sinh chất thải ra môi trường, cửa xả bê tông được đóng mở bằng thủy lực.

Sau khi hoàn thành các bước trên, bê tông xi măng (bê tông tươi) được xả lên các thùng của xe bồn bê tông chở đến các công trình đang xây dựng.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm đầu ra của Cơ sở bao gồm:

- + Cấu kiện bê tông đúc sẵn các loại: 10.902 tấn sản phẩm/ năm
- + Sửa chữa ô tô, xe máy chuyên dùng: 85 chiếc/ năm

+ Bê tông xi măng: 504 tấn sản phẩm/ ngày

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên, vật liệu của cơ sở

- Nguồn cung cấp:

+ Cát: lấy tại bãi cát trên sông Thạch Hãn, thị xã Quảng Trị;

+ Đá các loại: lấy từ mỏ đá khu vực Nam khối A - Tân Lâm, xã Cam Thành, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị - Công ty TNHH Minh Hưng;

+ Xi măng, sắt, thép: lấy tại thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;

+ Phụ gia (Sử dụng ROADCON-SR2000P): lấy tại thành phố Đà Nẵng;

+ Dầu lăn ván khuôn, dầu diezen: lấy tại thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Nhu cầu cấp nguyên, vật liệu cho sản xuất bê tông cầu kiện như sau:

Bảng 1.3. Tổng nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu của Cơ sở

TT	Loại	Đơn vị	Nhu cầu nguyên liệu cho Cơ sở/ năm
I	Xưởng sản xuất bê tông ly tâm		
1	Xi măng PC 30	kg	1.678
2	Cát vàng	m ³	1.798
3	Đá 1x2	m ³	3.596
4	Thép	tấn	100
5	Que hàn	kg	360
6	Hóa chất	lít	20
II	Trạm trộn bê tông xi măng		
1	Xi măng rời PC30	tấn	15.681,6
2	Cát	tấn	29.635,2
3	Đá dăm 1×2	tấn	49.593,6
4	Phụ gia (SikaPlast 398CT)	tấn	156,8
III	Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí		
1	Tấm thép các loại	Tấn	20
2	Que hàn	kg	500
3	Lốp xe	Bộ	50
4	Dây cu roa các loại	cái	100
5	Xích, nhông máy	Bộ	10
6	Bộ hơi động cơ	Bộ	20
7	Lọc hệ thống thủy lực máy	Bộ	30
8	Lọc động cơ các loại	cái	100
9	Ống ty ô các loại	cái	150

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Xưởng sản xuất cấu kiện bê tông và sửa chữa, gia công cơ khí

10	Bu ly	cái	100
11	Bánh răng các loại	cái	50

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp cho Cơ sở được lấy từ đường dây có sẵn ở khu vực đấu nối vào đường dây 22kV của Quốc gia chạy dọc tuyến Quốc lộ 9.

- Điện sử dụng phục vụ cho quá trình sinh hoạt, các hạng mục thiết bị, máy móc trong khu vực Cơ sở với tải lượng bình quân khoảng 2.000kW/tháng.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

** Đối với Xưởng sản xuất bê tông ly tâm:*

- Nguồn cấp nước cho cơ sở được lấy từ Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị và lấy từ hồ tự nhiên trong khu đất của Cơ sở. Theo Hoá đơn sử dụng nước tại Cửa hàng từ tháng 01/2024 đến tháng 8/2024, lượng nước sử dụng lớn nhất là 65 m³/ tháng (7/2024) tương đương 2,17 m³/ngày (Hoá đơn thể hiện tại phụ lục báo cáo). Trong đó:

+ Nước dùng cho sinh hoạt của 20 công nhân là 1 m³/ngày

+ Nước dùng cho các hoạt động sản xuất bao gồm:

• Nước cấp cho công đoạn trộn bê tông với định mức 200 lít/m³ bê tông, cấu kiện bê tông là 13 m³/ngày. Vậy lượng nước cấp cho công đoạn trộn bê tông của Xưởng là 2,6 m³/ngày.

• Nước vệ sinh thùng trộn bê tông: Định mức 2 m³/mẻ, trung bình mỗi ngày tiến hành vệ sinh 1 lần thì lượng nước sử dụng là 2 m³/ngày.

** Đối với Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí:*

- Nguồn cấp nước cho cơ sở được lấy từ Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị. Theo Hoá đơn sử dụng nước tại Cửa hàng từ tháng 01/2024 đến tháng 8/2024, lượng nước sử dụng lớn nhất là 84 m³/ tháng (06/2024) tương đương 2,8 m³/ngày (Hoá đơn thể hiện tại phụ lục báo cáo). Trong đó:

+ Nước dùng cho sinh hoạt của 25 công nhân là 1,25 m³/ngày.

+ Nước dùng cho hoạt động rửa các chi tiết máy móc khoảng 1,55 m³/ngày.

** Đối với Trạm trộn bê tông xi măng:*

- Nguồn cấp nước cho cơ sở được lấy từ Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị và lấy từ hồ tự nhiên trong khu đất của Cơ sở. Theo Hoá đơn sử dụng nước tại Cửa hàng từ tháng 01/2024 đến tháng 8/2024, lượng nước sử dụng lớn nhất là 41 m³/ tháng (4/2024) tương đương 1,37 m³/ngày (Hoá đơn thể hiện tại phụ lục báo cáo). Trong đó:

+ Nước dùng cho sinh hoạt của 20 công nhân là 1 m³/ngày.

+ Nước được sử dụng cho hoạt động sản xuất bê tông với định mức 165 lít/m³ bê tông, với công suất sản xuất bê tông xi măng 60 m³/h, ngày làm 8h. Vậy lượng nước cấp cho công đoạn trộn bê tông là 80 m³/ngày.

+ Nước dùng cho hoạt động vệ sinh thùng trộn, tưới nước giảm bụi đường khoảng 2 m³/ngày.

5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

5.1. Quy mô các hạng mục công trình đã đầu tư

Quy mô các hạng mục công trình được trình bày cụ thể tại bảng sau:

Bảng 1.4. Quy mô các hạng mục công trình của Cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)
A	Khu vực Xưởng sản xuất bê tông ly tâm	7.500
<i>I</i>	<i>Công trình chính</i>	
1	Xưởng sản xuất ly tâm, ống buy	2.300
2	Bãi thành phẩm 1	1.200
3	Bãi thành phẩm 2	1.030
4	Bãi chứa nguyên vật liệu	1.500
<i>II</i>	<i>Công trình phụ trợ</i>	
5	Khu nhà điều hành	204
<i>III</i>	<i>Công trình bảo vệ môi trường</i>	
6	Hệ thống xử lý nước thải	6
<i>IV</i>	<i>Các hạng mục khác</i>	
7	Nhà vệ sinh	100
8	Cây xanh	1.160
B	Khu vực Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí	2.400
<i>I</i>	<i>Hạng mục chính</i>	
1	Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí	1.110
<i>II</i>	<i>Hạng mục phụ trợ</i>	
2	Khu tập kết xe	775
3	Khu nhà ở nhân viên	160
4	Khu vực chứa CTNH	15
<i>III</i>	<i>Hạng mục BVMT</i>	
4	Hệ thống xử lý nước thải	5
<i>IV</i>	<i>Các hạng mục khác</i>	
5	Nhà vệ sinh	35
6	Cây xanh	300
C	Khu vực Trạm trộn bê tông xi măng	8.000
<i>I</i>	<i>Hạng mục chính</i>	

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Xưởng sản xuất cấu kiện bê tông và sửa chữa, gia công cơ khí

1	Trạm trộn	842
2	Bãi tập kết vật liệu	1.035
II	Hạng mục phụ trợ	
3	Khu vực xe chờ	157
4	Khu vực chứa vật liệu	20
5	Bể chứa nước	40
III	Hạng mục bảo vệ môi trường	
8	Hệ thống xử lý nước thải	60
D	Khu vực khác	2.940
1	Nhà kho	1.200
2	Nhà ở của CBCNV + bếp	1.390
3	Nhà ở số 2	300
4	Nhà vệ sinh	50

5.2. Máy móc, thiết bị

Chi tiết các máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất của Cơ sở bao gồm các loại như sau:

Bảng 1.5. Tổng hợp phụ tùng sử dụng trung bình/tháng

TT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng
1	Máy xúc lật	Chiếc	2
2	Khuôn cổng D800	Bộ	04
3	Khuôn cổng D1000	Bộ	01
4	Dàn quay sản xuất BTLT	Bộ	01
5	Plan 5 tấn hiệu Hitachi	Bộ	02
6	Khuôn trụ điện L = 8,4m	Bộ	15
7	Khuôn trụ điện L = 14m	Bộ	01
8	Khuôn trụ điện L = 12m	Bộ	02
9	Góc khuôn trụ điện L = 20m	Bộ	20
10	Máy đập đầu thép tiên áp	Cái	01
11	Máy căng thép 150 tấn	Cái	01
12	Máy đổ bê tông băng tải	Cái	01
13	Thùng trộn	Thùng	01
14	Phễu chứa cốt liệu (Loại 3 ngăn × 4,5 m ³)	Cái	01
15	Băng tải chuyên cốt liệu lên thùng trộn	Cái	01
16	Silo chứa xi măng	Cái	02
17	Vít tải xiên cấp xi măng	Cái	01
18	Hệ thống cabin điều khiển	Cái	01

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Xưởng sản xuất cầu kiện bê tông và sửa chữa, gia công cơ khí

TT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng
19	Thiết bị lọc bụi tại silo xi măng	Bộ	01
20	Xe bồn bê tông	Chiếc	04

5.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

5.3.1. Công trình biện pháp xử lý nước thải

a. Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực Xưởng sản xuất bê tông ly tâm được thu gom và dẫn theo rãnh thoát nước mưa dài khoảng 350 m chạy xung quanh Xưởng rồi dẫn về Hồ chứa nước mặt ở phía Đông Nam của Xưởng rồi chảy về hồ Khe Mây.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí được thu gom và dẫn theo rãnh thoát nước mưa dài khoảng 135 m chạy xung quanh Xưởng rồi thoát ra công thoát nước dọc tuyến Quốc lộ 9 rồi chảy về sông Hiếu.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực Trạm trộn bê tông xi măng được thu gom bằng rãnh thoát nước mưa dài khoảng 30 m rồi chảy về hồ Khe Mây.

b. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

- Xưởng sản xuất bê tông ly tâm: Nước thải phát sinh được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 2,7 m³ rồi thấm trực tiếp xuống đất khu vực. Định kỳ thuê Công ty Môi trường và công trình đô thị Đông Hà hút đưa đi xử lý.

- Xưởng gia công cơ khí: Nước thải phát sinh được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 2,7 m³ rồi thấm trực tiếp xuống đất khu vực. Định kỳ thuê Công ty Môi trường và công trình đô thị Đông Hà hút đưa đi xử lý.

- Trạm trộn bê tông xi măng: Nước thải phát sinh được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 2,7 m³ rồi thấm trực tiếp xuống đất khu vực. Định kỳ thuê Công ty Môi trường và công trình đô thị Đông Hà hút đưa đi xử lý.

c. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

- Xưởng sản xuất bê tông ly tâm: Nước thải phát sinh được thu gom và dẫn về 02 hệ thống xử lý nước thải (hồ chứa nước + hồ lắng) với thể tích 3,6 m³ được bố trí tại góc phía Nam và phía Bắc của Xưởng. Kích thước của mỗi hệ thống như sau:

+ Hồ chứa nước: (D×R×C) = (2,6×1×1) m;

+ Hồ lắng: (D×R×C) = (1×1×1) m.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý sẽ được tái sử dụng hoặc theo rãnh thoát nước thoát ra hồ chứa nước mặt nằm trong khu vực đất của Cơ sở, sau đó chảy ra hồ Khe Mây.

- Xưởng gia công cơ khí: Nước thải phát sinh được thu gom và dẫn về bể lắng, lọc dầu 3 ngăn, kết cấu bằng bê tông, nắp đáy đan thép với thể tích 2,9 m³ được bố trí tại góc phía Bắc của Xưởng. Kích thước của bể lắng, lọc dầu như sau:

+ Ngăn 1: (D×R×C) = (1×1×0,5) m,

+ Ngăn 2: (D×R×C) = (1×1×1) m,

+ Ngăn 3: (D×R×C) = (1×1×1,4) m.

Nước thải sau khi được xử lý bằng bể lắng lọc dầu sẽ được đầu nối thoát ra hệ thống thoát nước dọc tuyến Quốc lộ 9 rồi chảy về sông Hiếu.

- Trạm trộn bê tông xi măng: Nước thải sau khi trộn bê tông được thu gom và dẫn vào hệ thống xử lý (hồ thu nước + 02 hồ lắng) với thể tích

+ Hồ thu nước: (D×R×C) = (6×4,5×1,2) m;

+ Hồ lắng 1: (D×R×C) = (3,5×4,5×1,2) m;

+ Hồ lắng 2: (D×R×C) = (3,5×4,5×1,2) m.

Nước thải phát sinh sau khi qua hồ thu nước và hồ lắng 1 sẽ dẫn qua rãnh thoát nước có kích thước (2×1,5×0,4) m rồi dẫn đến hồ lắng 2 để lắng cặn. Nước sau khi lắng cặn sẽ được bơm ngược trở lại bể chứa để phục vụ sản xuất.

5.3.2. Công trình biện pháp xử lý khí thải

a. Xưởng sản xuất bê tông ly tâm:

- Thiết kế nhà xưởng thông thoáng, bố trí các ô thông gió làm mát nhà xưởng.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại xưởng.

b. Xưởng gia công cơ khí:

- Thiết kế nhà xưởng thông thoáng, bố trí các ô thông gió làm mát nhà xưởng.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại xưởng.

c. Trạm trộn bê tông xi măng:

- Bụi phát sinh từ quá trình nhập nguyên vật liệu vào băng tải đưa vào máy trộn.

Băng tải cấp liệu là băng tải kín nên không phát sinh bụi.

- Hệ thống xử lý bụi xi măng bằng túi lọc tay áo: Cụm 13 túi lọc đồng bộ trong hệ thống silo xi măng.

- Tưới nước giảm bụi tại bãi tập kết vật liệu.

- Tưới nước đoạn đường ra vào khu vực cơ sở và đoạn qua khu đông dân cư để giảm thiểu bụi phát tán vào mùa khô, những ngày nắng, gió với tần suất 05 lần/ngày.

5.3.3. Công trình biện pháp xử lý CTR, CTNH

* CTR sinh hoạt:

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Xưởng sản xuất cấu kiện bê tông và sửa chữa, gia công cơ khí

- CTR phát sinh sẽ được thu gom vào 03 thùng rác loại 50 L bố trí tại các vị trí ra vào của Cơ sở. Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Đông Hà đưa đi xử lý với tần suất 1 ngày/lần (Hợp đồng thu gom được bố trí tại phụ lục báo cáo).

- Bên cạnh đó, Chủ cơ sở thực hiện dán nhãn tại các thùng rác để thực hiện phân loại rác tại nguồn.

* CTR sản xuất:

+ Đối với sắt thép vụn, bao xi măng, lốp xe, các thiết bị hư hỏng nhưng có khả năng tái chế sẽ được thu gom vào 04 thùng rác loại 120 L bố trí tại các vị trí làm việc của Cơ sở, sau đó tận dụng bán phế liệu.

+ Đối với bê tông dư thừa, đất đá tại bề lửng, được thu gom tập kết về bãi chứa góc phía Tây Nam và tận dụng để san nền các công trình xây dựng.

+ Đối với các thiết bị hư hỏng không có khả năng tái chế, chai lọ thủy tinh, ... sẽ được thu gom vào 03 thùng rác 120 L bố trí tại các khu vực làm việc. Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Đông Hà đưa đi xử lý với tần suất 1 ngày/lần.

- CTR nguy hại: Đối với giẻ lau dính dầu và vỏ đựng nhớt thu gom vào 03 thùng phụ 200 L tại Container chứa vật dụng khu vực nhà kho và hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý Môi trường Nghệ An để đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/năm. (Hợp đồng thu gom được bố trí tại phụ lục báo cáo).

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 8/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Trong đó nêu rõ:

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường là định hướng bảo vệ môi trường cho các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, bảo đảm nguyên tắc xuyên suốt, không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế, yếu tố môi trường phải được tính đến trong từng hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, hài hòa với tự nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, phát triển kinh tế với tư duy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp nhằm giảm thiểu chất thải phát sinh, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, chuyển dịch năng lượng công bằng, góp phần thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ 2021 - 2030.

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia bảo đảm tính mở và linh hoạt để tích hợp, lồng ghép vào các quy hoạch khác có liên quan, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng ngừa các vấn đề môi trường từ sớm, từ xa; thúc đẩy phương thức quản lý tổng hợp, tiếp cận tổng thể dựa vào hệ sinh thái tự nhiên.

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường nhằm tăng cường kết nối hài hòa trong hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường giữa các vùng kinh tế - xã hội, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; chủ động phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường; tập trung xử lý các vấn đề môi trường xuyên biên giới, liên vùng, liên tỉnh; kết hợp với bảo tồn giá trị tự nhiên và đa dạng sinh học, thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên.

- Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030: Định hướng phát triển các loại bê tông, bê tông cường độ cao, bê tông đặc biệt đáp ứng yêu cầu thị trường và phát triển các loại phụ gia cho bê tông nhằm cải thiện điều kiện thi công và nâng cao tính năng cho bê tông.

- Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt đề án phát triển ngành cơ khí tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2025;

- Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2025: Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng với mục tiêu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2011 - 2015: 13,3%/năm và giai đoạn 2016 - 2020: 13,45%/năm. Ổn định và phát triển các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng hiện có. Chú trọng phát triển các loại vật liệu xây dựng mới phục vụ cho xây dựng đô thị, khu, cụm công nghiệp.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Khu vực Cơ sở nằm trong diện tích đất quy hoạch đất Công ty Xây dựng 384 bao gồm các hạng mục công trình: Xưởng sản xuất bê tông ly tâm; Xưởng sửa chữa và gia công cơ khí và Trạm trộn bê tông xi măng.

- *Xưởng sản xuất bê tông ly tâm:*

+ Đường giao thông: Giáp khu vực Cơ sở về phía Tây là tuyến đường bê tông nội bộ khu vực Công ty Xây dựng 384, hiện trạng mặt đường đã được bê tông, rộng 8 m, có chất lượng tốt; Cách khu vực cơ sở khoảng 185m về phía Bắc là Quốc lộ 9 hiện trạng mặt đường đã được bê tông nhựa, chiều rộng 16m, có chất lượng tốt.

+ Về đối tượng dân cư: Cách cơ sở khoảng 150 m về phía Bắc và Tây Bắc là cụm dân cư khu phố 4, khu phố 5, Phường 4, thành phố Đông Hà; Cách cơ sở khoảng 300 m về phía Tây là cụm dân cư khu phố 2, Phường 4, thành phố Đông Hà.

+ Hệ thống sông suối, ao hồ: Trong khu vực cơ sở không có ao hồ hay sông suối nào chảy qua, cách khu vực cơ sở khoảng 350 m về phía Bắc là sông Hiếu và khoảng 300m về phía Đông Nam là hồ Khe Mây.

- *Xưởng sửa chữa gia công cơ khí:*

+ Đường giao thông: Giáp khu vực cơ sở về phía Bắc là Quốc lộ 9, trải thảm nhựa rộng 16 m; Giáp khu vực cơ sở về phía Tây là đường bê tông thuộc Công ty Xây dựng 384, rộng 8m.

+ Về đối tượng dân cư: Giáp khu vực cơ sở về phía Đông và cách cơ sở khoảng 10 m về phía Tây là cụm dân cư khu phố 5, Phường 4.

+ Hệ thống sông suối, ao hồ: Trong khu vực cơ sở không có hệ thống sông, suối, ao hồ nào. Cách khu vực cơ sở khoảng 170 m về phía Bắc là Sông Hiếu; Cách khu vực cơ sở khoảng 750 m về phía Đông Nam là Hồ Khe Mây.

- *Trạm trộn bê tông xi măng:*

+ Đường giao thông: Giáp khu vực cơ sở về phía Tây là đường giao thông nội bộ của Công ty Xây dựng 384, hiện trạng mặt đường đã được bê tông, rộng 8 m, có chất lượng tốt; Cách cơ sở khoảng 230 m về phía Bắc là Quốc lộ 9, hiện trạng mặt đường đã được bê tông nhựa, chiều rộng 16m, có chất lượng tốt.

+ Về đối tượng dân cư: Cách khu vực cơ sở khoảng 170 m về phía Bắc là cụm dân cư khu phố 5, Phường 4;

+ Hệ thống sông suối, ao hồ: Trong khu vực cơ sở không có ao hồ hay sông suối nào chảy qua. Cách cơ sở khoảng 350 m về phía Tây là hồ nước tự nhiên nằm trong khu đất của Công ty Xây dựng 384; Cách khu vực cơ sở khoảng 350 m về phía Bắc là sông Hiếu và khoảng 500 m về phía Đông Nam là hồ Khe Mây.

Hiện tại, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải của khu vực chưa được ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

Qua số liệu quan trắc môi trường không khí của Cơ sở ở Chương V cho thấy, hiện trạng các thành phần môi trường khu vực chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm nên đủ khả năng tiếp nhận các chất thải phát sinh khi Cơ sở hoạt động.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực Xưởng sản xuất bê tông ly tâm được thu gom và dẫn theo rãnh thoát nước mưa dài khoảng 350 m chạy xung quanh Xưởng rồi dẫn về Hồ chứa nước mặt ở phía Đông Nam của Xưởng rồi chảy về hồ Khe Mây.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí được thu gom và dẫn theo rãnh thoát nước mưa dài khoảng 135 m chạy xung quanh Xưởng rồi thoát ra cống thoát nước dọc tuyến Quốc lộ 9 rồi chảy về sông Hiếu.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực Trạm trộn bê tông xi măng được thu gom bằng rãnh thoát nước mưa dài khoảng 30 m rồi chảy về hồ Khe Mây.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh:

- + Từ quá trình sinh hoạt của 20 công nhân tại Xưởng sản xuất bê tông ly tâm.
- + Từ quá trình sinh hoạt của 25 công nhân tại Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí.
- + Từ quá trình sinh hoạt của 20 công nhân tại Trạm trộn bê tông xi măng:

- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng.

- Tải lượng:

- + Xưởng sản xuất bê tông ly tâm: Lượng nước thải phát sinh là 1 m³/ngày.
- + Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí: Lượng nước thải phát sinh là 1,25 m³/ngày.
- + Trạm trộn bê tông xi măng: Lượng nước thải phát sinh là 1 m³/ngày.

- Thu gom, thoát nước thải:

+ Nước thải đen của công nhân từ các khu vực sẽ được thu gom và dẫn đến 03 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 2,7 m³ (được đặt tại mỗi khu vực) để xử lý. Nước thải sau khi được xử lý tại bể tự hoại sẽ thấm trực tiếp xuống đất tại khu vực.

+ Nước thải xám từ nhà bếp được dẫn vào hố thấm có kích thước (1×1×1) m rồi thấm trực tiếp xuống đất tại khu vực.

b. Nước thải sản xuất

- Nguồn phát sinh:

+ Xưởng sản xuất bê tông ly tâm: Từ quá trình dưỡng hộ, cấp cho quá trình trộn bê tông và nước vệ sinh thùng trộn bê tông. Tuy nhiên, trong suốt quá trình hoạt động

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Xưởng sản xuất cấu kiện bê tông và sửa chữa, gia công cơ khí

của Xưởng chủ yếu phát sinh từ công đoạn vệ sinh thùng trộn bê tông, vệ sinh nhà xưởng.

+ Xưởng sửa chữa gia công cơ khí: Từ hoạt động vệ sinh các chi tiết máy móc và nước từ kết làm mát máy động cơ.

+ Trạm trộn bê tông xi măng: Từ hoạt động vệ sinh thùng trộn bê tông và rửa xe bồn chở bê tông, tưới nước giảm bụi đường.

- Thành phần: chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, dầu mỡ cuốn theo nước trong quá trình sản xuất, vệ sinh máy móc thiết bị.

- Tải lượng:

+ Xưởng sản xuất bê tông ly tâm: 4,6 m³/ngày

+ Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí: 1,55 m³/ngày

+ Trạm trộn bê tông xi măng: 2 m³/ngày.

- Thu gom, thoát nước thải:

- Xưởng sản xuất bê tông ly tâm: Nước thải phát sinh được thu gom và dẫn về 02 hệ thống xử lý nước thải (hồ chứa nước + hồ lắng) với thể tích 3,6 m³ được bố trí tại góc phía Nam và phía Bắc của Xưởng. Kích thước của mỗi hệ thống như sau:

+ Hồ chứa nước: (D×R×C) = (2,6×1×1) m;

+ Hồ lắng: (D×R×C) = (1×1×1) m.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý sẽ được tái sử dụng hoặc theo rãnh thoát nước thoát ra hồ chứa nước mặt nằm trong khu vực đất của Cơ sở, sau đó chảy ra hồ Khe Mây.

- Xưởng gia công cơ khí: Nước thải phát sinh được thu gom và dẫn về bể lắng, lọc dầu 3 ngăn, kết cấu bằng bê tông, nắp đậy đan thép với thể tích 2,9 m³ được bố trí tại góc phía Bắc của Xưởng. Kích thước của bể lắng, lọc dầu như sau:

+ Ngăn 1: (D×R×C) = (1×1×0,5) m,

+ Ngăn 2: (D×R×C) = (1×1×1) m,

+ Ngăn 3: (D×R×C) = (1×1×1,4) m.

Nước thải sau khi được xử lý bằng bể lắng lọc dầu sẽ được đầu nối thoát ra hệ thống thoát nước dọc tuyến Quốc lộ 9 rồi chảy về sông Hiếu.

- Trạm trộn bê tông xi măng: Nước thải sau khi trộn bê tông được thu gom và dẫn vào hệ thống xử lý (hồ thu nước + 02 hồ lắng) với thể tích 70 m³. Kích thước của hệ thống xử lý cụ thể như sau:

+ Hồ thu nước: (D×R×C) = (6×4,5×1,2) m;

+ Hồ lắng 1: (D×R×C) = (3,5×4,5×1,2) m;

+ Hồ lắng 2: (D×R×C) = (3,5×4,5×1,2) m.

Nước thải phát sinh sau khi qua hồ thu nước và hồ lắng 1 sẽ dẫn qua rãnh thoát nước có kích thước (2×1,5×0,4) m rồi dẫn đến hồ lắng 2 để lắng cặn. Nước sau khi lắng cặn sẽ được bơm ngược trở lại bể chứa để phục vụ sản xuất.

1.3. Xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

- Tải lượng:

+ Xưởng sản xuất bê tông ly tâm: Lượng nước thải phát sinh là 1 m³/ngày.

+ Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí: Lượng nước thải phát sinh là 1,25 m³/ngày.

+ Trạm trộn bê tông xi măng: Lượng nước thải phát sinh là 1 m³/ngày.

- Thu gom, thoát nước thải:

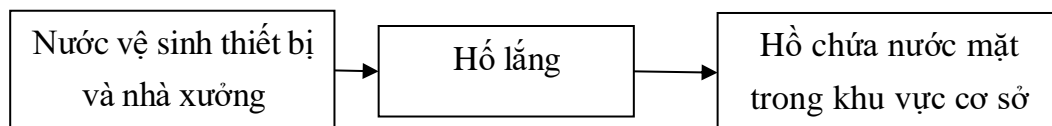
+ Nước thải đen của công nhân từ các khu vực sẽ được thu gom và dẫn đến 03 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 2,7 m³ (được đặt tại mỗi khu vực) để xử lý. Nước thải sau khi được xử lý tại bể tự hoại sẽ thấm trực tiếp xuống đất tại khu vực.

+ Nước thải xám từ nhà bếp được dẫn vào hố thấm có kích thước (1×1×1) m rồi thấm trực tiếp xuống đất tại khu vực.

b. Nước thải sản xuất:

- Đối với Xưởng sản xuất bê tông ly tâm:

Nước thải của Xưởng chủ yếu chứa hàm lượng các chất rắn lơ lửng (cát, bột đá,...), dầu mỡ từ quá trình quá trình vệ sinh máy trộn bê tông, vệ sinh nhà xưởng. Quy trình xử lý nước thải của Xưởng như sau:

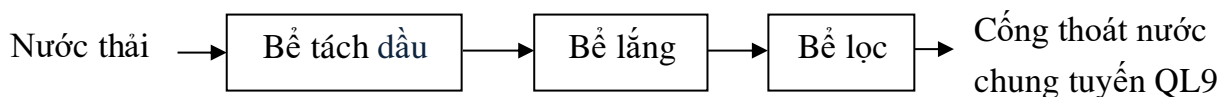


Hình 1.4. Quy trình xử lý nước thải sản xuất của Xưởng

Thuyết minh quy trình xử lý: hệ thống xử lý nước thải gồm hồ chứa nước với kích thước (1×2,6×1) m lắng với kích thước (1×1×1) m để thu gom nước thải từ khu vực sản xuất, xử lý lắng cặn. Nước sau khi qua hồ lắng sẽ được tái sử dụng hoặc theo rãnh thoát nước thoát ra hồ chứa nước mặt nằm trong khu vực đất của Cơ sở, sau đó chảy ra hồ Khe Mây.

- Đối với khu vực Xưởng sửa chữa gia công cơ khí:

Thành phần nước thải sản xuất của Xưởng chủ yếu là TSS, kim loại, dầu mỡ. Quy trình xử lý nước thải như sau:



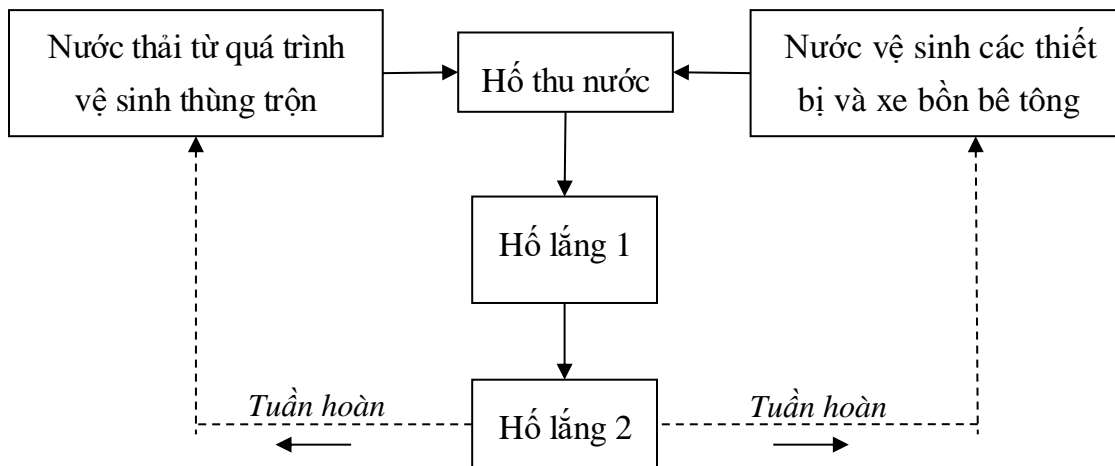
Hình 1.5. Quy trình xử lý nước thải sản xuất của Xưởng

Thuyết minh quy trình: Nước thải từ quá trình rửa máy sẽ được thu gom qua bể tách dầu mỡ kích thước (1×1×0,5) m, sau đó được đưa vào bể lắng kích thước (1×1×1) m để loại bỏ các chất rắn lơ lửng có khối lượng lớn. Rồi tiếp tục qua bể lọc kích thước (1×1×1,4) m với các lớp vật liệu cát, sỏi nhằm mục đích loại bỏ chất rắn lơ lửng có khối lượng nhỏ không thể lắng lại bể lắng, nước thải sau xử lý được dẫn ra hệ thống thoát nước dọc tuyến Quốc lộ 9 rồi chảy về sông Hiếu. Váng dầu trên bề mặt nước thải sẽ được nạo vét định kỳ 01 tháng/lần và xử lý cùng với CTNH.

- Đối với Trạm trộn bê tông xi măng:

Toàn bộ nước thải sản xuất, bao gồm: nước thải từ dây chuyền sản xuất (như nước vệ sinh máy trộn bê tông, nước rơi vãi từ quá trình trộn bê tông), nước rửa xe bồn vận chuyển bê tông và nước rửa chân tay của công nhân sau mỗi ngày làm việc được dẫn về hệ thống bể lắng, lọc bố trí tại khu vực trạm trộn.

Hệ thống thu gom và xử lý nước thải với quy trình như sau:



Hình 1.6. Quy trình xử lý nước thải sản xuất của trạm trộn bê tông xi măng

Thuyết minh quy trình:

- Nước thải sau khi trộn bê tông được thu gom xuống hố thu nước có kích thước (6×4,5×1,2) m rồi qua hố lắng 1 có kích thước (3,5×4,5×1,2) m, qua rãnh nước có kích thước (2×1,5×0,4) m rồi dẫn đến hố lắng 2 có kích thước (3,5×4,5×1,2) m. Nước ở hố lắng 2 sau khi lắng cặn sẽ được bơm ngược trở lại bể chứa để phục vụ sản xuất.

Nước thải sau khoảng thời gian 1 tháng sẽ tiến hành thay thế và làm mới. Lượng nước thải này sẽ thoát ra theo mương thoát nước dẫn đến hồ chứa nước mặt nằm trong khu vực của Cơ sở rồi chảy ra hồ Khe Mây.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

* Đối với bụi phát sinh do rơi vãi vật liệu trong quá trình chuyên chở nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào Xưởng:

Để giảm thiểu bụi từ quá trình này, trong suốt quá trình hoạt động Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Bố trí lịch trình vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm của Xưởng vào ban ngày, không vận chuyển vào ban đêm; bố trí công nhân điều tiết phương tiện giao thông tại Xưởng lúc cao điểm.

- Xe chở các vật liệu mịn được phủ bạt che chắn cẩn thận.

- Bố trí, sắp xếp các xe ra vào hợp lý, khoa học.

- Các phương tiện vận tải bắt buộc phải có giấy phép sử dụng của Cơ quan Đăng kiểm. Không sử dụng các loại phương tiện cũ, hết thời gian lưu hành cho phép.

- Trồng cây xanh: Tổng diện tích cây xanh của Cơ sở là 1.460 m².

- Phân luồng giao thông cho quá trình vận chuyển trong khu vực xưởng đảm bảo xe vận chuyển vào và ra liên tục tránh ách tắc giao thông nội bộ. Trong đó, quy định đối với phương tiện vào tại cổng phụ và ra tại cổng chính.

Các biện pháp trên đang áp dụng có hiệu quả và sẽ được tiếp tục thực hiện trong thời gian tới. Bên cạnh đó, nhằm hạn chế ảnh hưởng đến bụi phát sinh từ quá trình hoạt động Chủ cơ sở sẽ tiến hành tưới nước tại đoạn đường ra vào khu vực cơ sở để giảm thiểu bụi phát tán vào mùa khô, những ngày nắng, gió với tần suất tối thiểu 05 lần/ngày.

** Đối với bụi từ quá trình lưu chứa vật liệu:*

Hiện nay chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Xây dựng tường rào cao 1,8 m xung quanh khu vực để hạn chế bụi cũng như các CTR phát tán ra ngoài. Đồng thời việc trồng cây xanh bao xung quanh, tại khu văn phòng và các hạng mục phụ trợ khác bố trí các chậu cây cảnh, đảm bảo mật độ tối thiểu bằng 20% tổng diện tích khu vực Cơ sở.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: mũ, khẩu trang, kính mắt, quần áo bảo hộ,...

- Bố trí công nhân hàng ngày thu dọn sạch nguyên vật liệu rơi vãi trong khuôn viên Xưởng, cũng như chất thải (đất, cát) rơi vãi tại điểm giao giữa đường Quốc lộ 9 với tuyến đường bê tông vào khu vực Cơ sở.

** Đối với bụi kim loại, bụi khói hàn ở Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí:*

- Bụi kim loại có tỷ trọng lớn nên chỉ tồn tại xung quanh nguồn gây bụi, ít phát tán đi xa, do đó, để phòng chống hơi khí độc từ quá trình hàn thì công nhân hàn sẽ được trang bị mặt nạ, mo hàn hoặc kính hàn kết hợp với các biện pháp thông gió trong nhà xưởng để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi khói hàn.

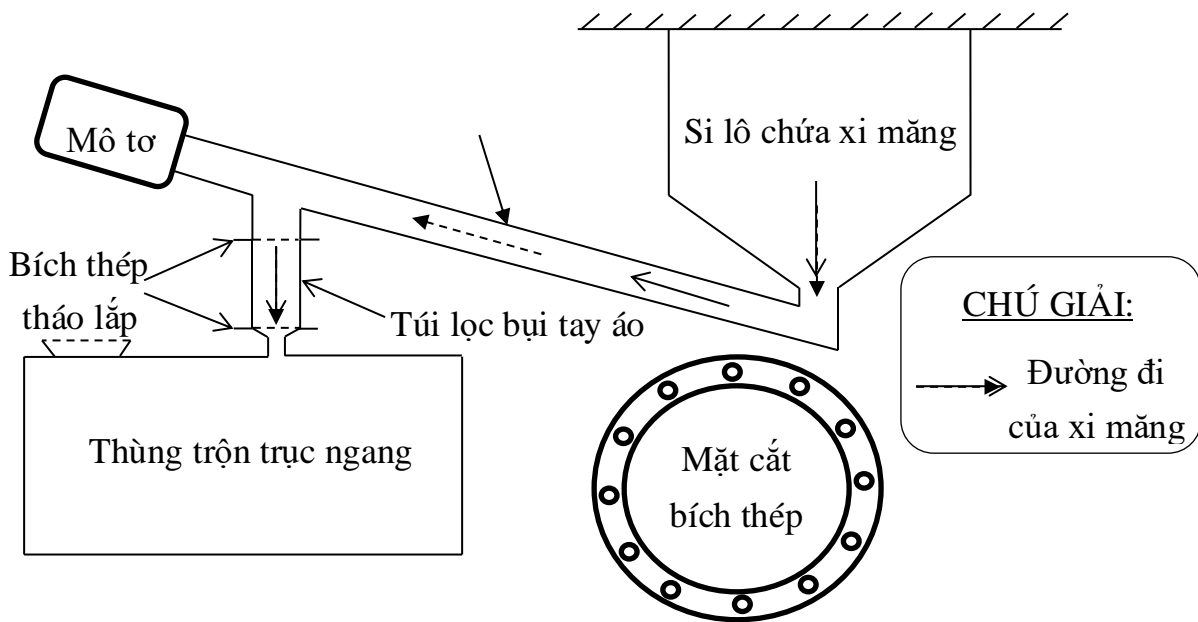
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: găng tay, áo quần bảo hộ,...

- Công nhân sẽ vệ sinh nhà xưởng sau mỗi ngày làm việc.

Các biện pháp trên đang áp dụng có hiệu quả và sẽ được tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

* Đối với bụi xi măng tại Trạm trộn bê tông xi măng:

Hoạt động của Trạm trộn bê tông xi măng là nơi phát sinh nhiều bụi, chủ yếu là bụi do công đoạn nạp liệu xi măng vào thùng trộn bằng trục vít tải, bụi phát sinh ngay tại đầu ra của trục vít. Đối với bụi phát sinh từ quá trình cấp xi măng vào thùng trộn sẽ được thu gom và xử lý bằng túi lọc bụi tay áo có cấu tạo như sau:



Hình 1.7. Hệ thống lọc bụi



Hình 1.8. Túi lọc bụi tay áo

Nguyên lý hoạt động: lượng bụi xi măng phát sinh nhiều nhất trong công đoạn cấp liệu là giai đoạn xi măng rời miệng trục vít rơi vào thùng trộn, do đó, Công ty sẽ lắp đặt túi lọc bụi tay áo tại vị trí này, túi lọc có tác dụng giữ bụi bên trong ống lọc nhưng lại cho không khí thoát ra bên ngoài. Bên trong túi lọc có thêm khung xương

thép có tác dụng làm căng đều túi và hướng dòng cho xi măng. Hệ thống lọc bụi tay áo này bao gồm 1 đơn nguyên, túi lọc được lắp đặt vào hệ thống bằng bích thép (hình 2.1a), nối từ miệng đầu ra của trục vít đến phễu nạp liệu của thùng trộn. Ngoài ra, tại hệ thống cấp liệu (03 silo xi măng) cũng được bố trí 13 lõi lọc bụi, các lõi lọc được bố trí bên trong hệ thống cấp liệu và có cấu tạo tương tự túi lọc bụi tay áo để thu các bụi có kích thước nhỏ. Như vậy, hệ thống nạp liệu này kín hoàn toàn, do đó lượng bụi phát sinh rất ít.

Khi bụi bám nhiều vào mặt trong của ống tay áo sẽ làm cho sức cản của chúng tăng cao và giảm hiệu suất lọc do đó công nhân sẽ định kỳ thay túi lọc mới, đối với túi lọc cũ sẽ được giữ bụi để tiếp tục sử dụng cho lần sau. Kích thước của túi lọc bụi tay áo sẽ được lựa chọn phù hợp với kích thước miệng đầu ra của trục vít tải xi măng và thùng trộn.

** Biện pháp điều hòa vi khí hậu:*

Hiện nay Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Thiết kế và xây dựng nhà xưởng cao ráo, thông thoáng, tận dụng gió tự nhiên khuếch tán khí.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên các hạng mục cơ sở với tỷ lệ đạt 10% trên tổng diện tích mỗi khu vực hạng mục. Vị trí trồng cây xanh là hai bên đường giao thông nội bộ, xung quanh hàng rào và tại sân của khu văn phòng, nhà hành chính, nhà ăn công nhân,...

- Bố trí các ô thông gió phía trên tường (các ô thông gió cách nhau 5 m).

Các biện pháp trên đang áp dụng có hiệu quả và sẽ được tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

** Biện pháp vệ sinh nhà xưởng, sân công nghiệp:*

Do nguồn thải tại khu vực cơ sở chủ yếu là bụi, thành phần có chứa bụi lắng và bụi lơ lửng, trong đó bụi lắng có kích thước lớn thường rơi vãi trên nền nhà xưởng, bụi cát đá tại các bãi vật liệu để giảm thiểu lượng bụi này có khả năng phát tán trở lại vào không khí do gió và hoạt động của công nhân, Chủ cơ sở sẽ yêu cầu công nhân tiến hành vệ sinh nhà xưởng sau mỗi ca làm việc, bằng việc lau chùi, quét dọn lượng bụi, đất đá trên nền nhà xưởng, sau đó mới tiến hành lau chùi nền bằng nước.

Đối với máy móc, Chủ cơ sở sử dụng giẻ lau để lau chùi, không sử dụng nước vì có thể làm rỉ máy móc.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

* CTR sinh hoạt: Nguồn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của các công nhân làm việc tại Cơ sở. Lượng CTR phát sinh chủ yếu là thức ăn dư thừa, vỏ hoa quả, túi nilon,

chai lọ,... với khối lượng khoảng 5-7 kg/ngày. Hiện nay, tại Cơ sở đã thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý như sau:

- Bố trí 03 thùng rác loại 50 L bố trí tại các vị trí ra vào của Cơ sở. Toàn bộ lượng rác thải phát sinh được Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Đông Hà đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Bên cạnh đó, Chủ cơ sở sẽ dán nhãn tại các thùng rác để thực hiện phân loại rác tại nguồn.

* CTR sản xuất: Nguồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tại Cơ sở. Tổng lượng CTR phát sinh khoảng 20 kg/ngày. Cụ thể như sau:

- Đối với sắt thép vụn, bao xi măng, lốp xe, các thiết bị hư hỏng nhưng có khả năng tái chế với khối lượng khoảng 5 kg/ngày sẽ được thu gom vào 04 thùng rác loại 120 L bố trí tại các vị trí làm việc của Cơ sở, sau đó tận dụng bán phế liệu.

- Đối với bê tông dư thừa, đất đá tại bể lắng với khối lượng khoảng 7 kg/ngày được thu gom tập kết về bãi chứa góc phía Tây Nam và tận dụng để san nền các công trình xây dựng.

- Đối với các thiết bị hư hỏng không có khả năng tái chế, chai lọ thủ tinh, ... với khối lượng khoảng 8 kg/ngày sẽ được thu gom vào 03 thùng rác 120 L bố trí tại các khu vực làm việc. Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Đông Hà đưa đi xử lý với tần suất 1 ngày/lần.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại có thể phát sinh tại Cơ sở gồm: giẻ lau dính dầu mỡ, thùng, bao bì đựng dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, mực in có khối lượng phát sinh khoảng 06 kg/tháng. Lượng CTNH này được thu gom vào 03 thùng phuy 200 L tại Container chứa vật dụng khu vực nhà kho. Hiện nay, Cơ sở đã hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý Môi trường Nghệ An định kỳ vận chuyển, xử lý với tần suất 01 lần/năm (Hợp đồng thể hiện tại phụ lục báo cáo).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đã được áp dụng như:

- Bố trí các thiết bị có tiếng ồn lớn cách xa nhau để giảm tác động lan truyền của sóng âm.

- Nền móng được xử lý tốt và có độ vững chắc đối với các loại thiết bị có công suất lớn và hoạt động liên tục.

- Đã trồng cây xanh trong phạm vi khuôn viên khu vực Xưởng.

- Sử dụng dây chuyền máy móc hiện đại, đồng bộ, gia cố trên nền bê tông mác cao giảm thiểu được tiếng ồn phát ra khi vận hành

- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực.

- Công nhân làm việc ở những khu vực có độ ồn cao được trang bị thêm các thiết bị giảm ồn như nút tai, bịt tai,...

- Bố trí thời gian hoạt động buổi sáng từ 7h đến 11h30, buổi chiều từ 13h30 đến 17h để tránh ảnh hưởng tiếng ồn đến các đối tượng xung quanh.

- Các biện pháp trên đang áp dụng có hiệu quả và sẽ được tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

- Ngoài ra, nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của khu dân cư xung quanh, Cơ sở sẽ hạn chế thời gian hoạt động sản xuất vào những thời gian nghỉ ngơi, sinh hoạt của người dân trong khu vực, tiếp nhận những phản ánh của dân cư để sản xuất vào những thời điểm ít tác động.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố cháy nổ có thể xảy ra đối với cơ sở, một số biện pháp sau đã được thực hiện:

- Hệ thống cấp điện cho cơ sở và hệ thống chiếu sáng Chủ cơ sở đã thiết kế độc lập, an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch điện.

- Hiện tại, mỗi khu vực đã có trang bị 02 bình cứu hỏa và lắp đặt các biển báo, nội quy về PCCC.

- Đưa ra các nội quy cho CBCNV không hút thuốc trong quá trình làm việc.

- Lắp đặt các biển báo, nội quy, tiêu lệnh trong khu vực nhà xưởng.

- Định kỳ tổ chức tuyên truyền, tập huấn cho CBCNV phương pháp PCCC.

b. Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố do tai nạn lao động có thể xảy ra đối với cán bộ, công nhân làm việc tại cơ sở, một số biện pháp sau sẽ được thực hiện:

- Tổ chức tập huấn an toàn lao động cho toàn bộ công nhân sau khi được tuyển dụng. Đối với công nhân kỹ thuật thì thường xuyên đào tạo nâng cao chuyên môn nhằm vận hành tốt và an toàn các thiết bị máy.

- Thành lập Ban Quản lý an toàn lao động của Xưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, thường xuyên kiểm tra và nhắc nhở người lao động trên công trường thực hiện những quy tắc về an toàn lao động.

- Các trang bị bảo hộ cá nhân được kiểm tra kỹ trước khi sử dụng. Cán bộ kỹ thuật hoặc tổ trưởng sản xuất chịu trách nhiệm hướng dẫn cách sử dụng cho người lao động.

- Bố trí các biển báo an toàn lao động đặt ở những nơi dễ nhìn, dễ thấy và ở những vị trí có thể xảy ra tai nạn

- Đưa ra nội quy an toàn lao động cho công nhân khi làm việc.

- Trang bị bảo hộ cho công nhân và bắt buộc công nhân sử dụng các bảo hộ lao động trong quá trình làm việc.

- Các phương tiện giao thông đường bộ của CBCNV, các xe vận chuyển hàng hoá của Công ty phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định và tuyệt đối chấp hành Luật giao thông đường bộ hiện hành.

- Thực hiện phương án phân luồng và điều tiết xe ra vào Xưởng phù hợp, bố trí biển báo hiệu cho phương tiện qua lại.

- Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm từ 11h -13h (buổi trưa) và từ 17h-18h (buổi chiều tối) để hạn chế ùn tắc và đảm bảo an toàn giao thông.

- Các phương tiện vận chuyển phù hợp với tải trọng thiết kế để tránh làm hư hỏng tuyến đường.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn 01: Nước thải sản xuất từ hệ thống xử lý nước thải tại Xưởng sản xuất bê tông ly tâm.

- Nguồn 02: Nước thải sản xuất từ hệ thống xử lý nước thải tại Xưởng sửa chữa gia công cơ khí.

- Nguồn 03: Nước thải sản xuất từ hệ thống xử lý nước thải tại Trạm trộn bê tông xi măng.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Dòng thải số 01: Nước thải sản xuất từ Xưởng sản xuất bê tông ly tâm sau khi được xử lý sẽ thoát ra hồ chứa nước mặt tại khu vực cơ sở rồi chảy ra hồ Khe Mây.

- Dòng thải số 02: Nước thải sản xuất từ Xưởng sửa chữa gia công cơ khí sau khi được xử lý sẽ đầu nối với công thoát nước dọc tuyến Quốc lộ 9 rồi chảy ra sông Hiếu.

- Dòng thải số 03: Nước thải sản xuất từ Trạm trộn bê tông xi măng sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải tuần hoàn tái sử dụng nên không phát sinh nước thải ra môi trường ngoài.

1.2.2. Vị trí xả nước thải

- Dòng thải số 01: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sản xuất từ khu vực Xưởng sản xuất bê tông ly tâm, tọa độ X: 1.859.699 m; Y: 586.972 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

- Dòng thải số 02: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sản xuất từ khu vực Xưởng sửa chữa gia công cơ khí, tọa độ X: 1.859.902 m; Y: 586.910 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

1.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 8,15 m³/ngày đêm, tương đương 0,26 m³/giờ.

Trong đó:

+ Xưởng sản xuất bê tông ly tâm: 4,6 m³/ngày

+ Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí: 1,55 m³/ngày

+ Trạm trộn bê tông xi măng: 2 m³/ngày.

* *Phương thức xả nước thải*: Tự chảy

*** Chế độ xả nước thải:**

- Xả thải không liên tục (khi cơ sở đang hoạt động sản xuất hoặc vệ sinh khu vực, thiết bị).

*** Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:**

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt:

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1	pH	mg/l	5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MNP/100ml	5.000

*** Ghi chú:**

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ);

- K=1,2: áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 500 người.

- Nước thải sản xuất:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sản xuất trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)
1	pH		5,5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	50

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Xưởng sản xuất cấu kiện bê tông và sửa chữa, gia công cơ khí

3	COD	mg/l	150
4	TSS	mg/l	100
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
6	Coliform	mg/l	5.000

*** Ghi chú:**

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Cột B - quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả ra nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Quá trình hoạt động của cơ sở phát sinh bụi, khí thải từ các nguồn phân tán như phương tiện giao thông, các máy móc thiết bị khi vận hành, từ quá trình lưu chứa vật liệu, quá trình sửa chữa gia công cơ khí,.. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương III. Do đó, chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của các máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển.
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ) và QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc. Mức độ giới hạn cho phép như sau:

Bảng 4.3. Mức độ giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 27:2010/ BTNMT	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 24:2016/ BYT
1	Tiếng ồn	dBA	-	70	85
2	Độ rung	dB	75	-	-

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí

Để đánh giá môi trường không khí của Cơ sở, tham khảo báo cáo giám sát môi trường năm 2024 của Cơ sở do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thực hiện. Dữ liệu môi trường tại cơ sở như sau:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc không khí của Cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 03:2019/BTNMT
			K384 (1)	K384 (2)	
1	Tiếng ồn	dB(A)	75,8	73,2	85 ⁽¹⁾
2	Bụi	mg/Nm ³	KPH	KPH	4 ⁽²⁾
					2 ⁽²⁾
3	SO ₂	mg/Nm ³	0,093	0,073	5
4	NO ₂	mg/Nm ³	0,081	0,066	5
5	CO	mg/Nm ³	KPH	KPH	20

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia có giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- ⁽¹⁾QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- ⁽²⁾QCVN 02/2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn cho phép tiếp xúc bụi tại nơi làm việc.

- K384 (1): Điểm tại Xưởng sản xuất cấu kiện bê tông;

- K384 (2): Điểm tại khu vực sửa chữa và gia công cơ khí;

- Ngày lấy mẫu: 04/9/2024; KPH: Không phát hiện.

* **Nhận xét:** Kết quả tại bảng 5.1 cho thấy, tất cả các thông số quan trắc môi trường không khí đều nằm trong giới hạn cho phép QCVN 03:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT và QCVN 02:2019/BYT.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Để đánh giá môi trường nước thải sản xuất của Cơ sở, tham khảo báo cáo giám sát môi trường năm 2024 của Cơ sở do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thực hiện. Dữ liệu môi trường tại cơ sở như sau:

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải của Cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 40:2011/ BTNMT (cột B)
			NT384 (1)	NT384 (2)	
1	pH	-	8,9	7,3	5,5 - 9

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Xưởng sản xuất cầu kiện bê tông và sửa chữa, gia công cơ khí

2	BOD ₅	mg/l	20	13	50
3	TSS	mg/l	9,4	7,0	100
4	COD	mg/l	45	29	100
5	Tổng N	mg/l	0,1	0,09	40
6	Fe	mg/l	0,18	0,10	5
7	Coliform	MPN/100ml	4.060	3.440	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;

- NT384 (1): Tại vị trí sau khi qua hệ thống xử lý nước thải của Xưởng sản xuất cầu kiện bê tông;

- NT384 (2): Tại vị trí sau khi qua hệ thống xử lý nước thải của Xưởng sửa chữa và gia công cơ khí.

- Ngày lấy mẫu: 04/9/2024.

Kết quả tại bảng 5.2 cho thấy, tất cả các thông số quan trắc chất lượng nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột B).

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Giai đoạn vận hành thử nghiệm được thực hiện dự kiến trong khoảng thời gian 03 tháng.

Kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm như sau:

Tên công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất đạt được
	Bắt đầu	Kết thúc	
- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Xưởng sản xuất bê tông ly tâm; - Hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí; - Hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Trạm trộn bê tông xi măng.	30/12/2024	30/02/2025	50%

Ghi chú: Thời gian vận hành thử nghiệm có thể muộn hơn trong trường hợp khối lượng nước phát sinh không đảm bảo công suất vận hành thử nghiệm.

- Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, lượng nước thải phát sinh tùy vào thời điểm Cơ sở đang có hoạt động sản xuất hoặc vệ sinh khu vực, thiết bị; lượng nước thải phát sinh lớn nhất khi có mưa khoảng 8,15 m³/ngày.đêm. Trong đó:

- + Xưởng sản xuất bê tông ly tâm: 4,6 m³/ngày
- + Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí: 1,55 m³/ngày
- + Trạm trộn bê tông xi măng: 2 m³/ngày.

- Lượng nước thải phát sinh chứa nhiều thành phần chủ yếu là TSS, COD và các dầu mỡ khoáng,... công nghệ xử lý nước thải của cơ sở được thực hiện bằng hệ thống các bể lắng, lọc, tách dầu mỡ và bể lắng. Khi có sự cố hoặc xử lý nước thải không đạt chuẩn thì tạm dừng hệ thống để sửa chữa và khắc phục.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Cơ sở có công trình xử lý nước thải sản xuất thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Đồng thời, theo quy định tại khoản 5, điều 21, Thông tư số 02/2022/TTT-BTNMT quy định việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Do đó, khi đi vào vận hành ổn định, Chủ cơ sở sẽ lấy mẫu 3 ngày liên

tiếp tại đầu ra hệ thống xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải. Cụ thể:

- Số lượng quan trắc:

+ 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại Xưởng sản xuất bê tông ly tâm.

+ 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí.

+ 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại Trạm trộn bê tông xi măng.

- Loại mẫu: mẫu đơn

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, TS, COD, tổng Nitơ, tổng Photpho, dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

- Quy chuẩn áp dụng: cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Chủ cơ sở dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trên địa bàn để thực hiện là Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và định kỳ.

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Thời gian từ năm 2021 đến nay cơ sở chưa tiếp nhận các đợt thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại và thuê đơn vị có chức năng xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật.
- Cam kết phối hợp với địa phương giải quyết các vấn đề ô nhiễm, sự cố môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy tờ về đất đai của cơ sở theo quy định của pháp luật;
- Bản sao Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Cơ sở.
- Phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Hợp đồng thu gom CTR sinh hoạt, CTR nguy hại
- Các văn bản pháp lý khác liên quan đến Cơ sở.
- Bản vẽ công trình bảo vệ môi trường.